

BỘ CÔNG THƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT THÁNG 2/2026

Diễn biến thương mại Việt Nam trong khuôn khổ các Hiệp định FTA

Thuộc nhiệm vụ:

Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Hà Nội, tháng 02/2026

Diễn biến thương mại Việt Nam trong khuôn khổ các hiệp định FTA trong tháng 1/2026

Trong tháng đầu năm 2026, bức tranh xuất nhập khẩu của Việt Nam với các thị trường đã ký các Hiệp định thương mại tự do (FTA) tiếp tục cho thấy sự phân hóa rõ nét về cấu trúc và vai trò thương mại. Trong khi các thị trường thành viên hiệp định thế hệ mới như EVFTA và CPTPP giúp Việt Nam duy trì thăng dư thương mại đáng kể với các thị trường phát triển, khu vực RCEP vẫn là nguồn cung chủ đạo, kéo theo mức thâm hụt lớn. Diễn biến này cho thấy vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cấp chất lượng hội nhập trong giai đoạn tới.

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 01/2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 43,19 tỷ USD, giảm nhẹ 2% so với tháng trước, nhưng tăng 30,13% so với cùng kỳ năm 2025. Kim ngạch nhập khẩu đạt 44,97 tỷ USD, tăng 0,64% so với tháng trước, và tăng 49,61% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến này phản ánh sự điều chỉnh mang tính thời điểm sau giai đoạn cao điểm xuất khẩu cuối năm, đồng thời cho thấy nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước tiếp tục duy trì ở mức cao.

Đáng chú ý, các thị trường đã ký kết các FTA tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc thương mại của Việt Nam. Chỉ riêng thị trường thành viên 3 hiệp định lớn là RCEP, CPTPP và EVFTA đã chiếm tới 63,89% tổng kim ngạch xuất khẩu và 88,54% tổng kim ngạch nhập khẩu trong tháng 01/2026. Con số này không chỉ khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của các FTA trong chiến lược hội nhập, mà còn nói lên mức độ phụ thuộc ngày càng lớn của hoạt động thương mại vào các khuôn khổ thương mại tự do.

Xét theo cấu trúc thị trường, thị trường thành viên khu vực RCEP tiếp tục là trụ cột của hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Với kim ngạch đạt 15,63 tỷ USD, RCEP chiếm 36,2% tổng kim ngạch xuất khẩu trong tháng 01/2026. Mặc dù giảm 4,32% so với tháng trước, nhưng mức tăng trưởng 36,23% so với cùng kỳ năm trước cho thấy sức hấp dẫn và tính ổn định của thị trường khu vực châu Á – Thái Bình Dương, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu tại các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản có dấu hiệu phục hồi.

Đứng thứ hai là thị trường CPTPP với kim ngạch xuất khẩu đạt 6,5 tỷ USD, tăng 3,58% so với tháng trước và tăng 20,73% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 15,08% tổng kim ngạch xuất khẩu. Kết quả này cho thấy hiệu quả ngày càng rõ

nét của CPTPP trong việc mở rộng thị trường sang các nền kinh tế có tiêu chuẩn cao như Canada, Mexico, Úc và Chile. Sự tăng trưởng ổn định xuất khẩu tới khu vực CPTPP cho thấy khả năng đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy tắc xuất xứ và yêu cầu chất lượng của hàng hóa Việt Nam đang được cải thiện.

Trong khi đó, Hiệp định EVFTA tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường Liên minh châu Âu. Với kim ngạch đạt 5,44 tỷ USD, tăng 10,63% so với tháng trước và tăng 15,35% so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu tới thị trường có ký kết EVFTA chiếm 12,61% tổng kim ngạch xuất khẩu trong tháng 01/2026. Mức tăng trưởng này cho thấy tác động tích cực của các cam kết cắt giảm thuế quan, cải thiện môi trường thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường có giá trị gia tăng cao.

Bên cạnh đó, mặc dù chiếm tỷ trọng khiêm tốn, Hiệp định EAEU lại ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu đạt 12,42% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy dư địa khai thác thị trường ngoài các khu vực truyền thống vẫn còn lớn, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang tìm kiếm các động lực tăng trưởng mới cho xuất khẩu.

Ở chiều nhập khẩu, thị trường thành viên Hiệp định RCEP tiếp tục là đối tác lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 33,03 tỷ USD, tăng 1,83% so với tháng trước và tăng 50,18% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tới 73,44% tổng kim ngạch nhập khẩu. Tỷ trọng cao phản ánh mức độ phụ thuộc rất lớn của Việt Nam vào nguồn cung từ khu vực châu Á – Thái Bình Dương, đặc biệt là các nền kinh tế có vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng toàn cầu như Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản.

Thị trường tham gia RCEP không chỉ là nguồn cung nguyên vật liệu, linh kiện và hàng hóa trung gian phục vụ sản xuất trong nước, mà còn là nền tảng kết nối Việt Nam với mạng lưới sản xuất khu vực. Tuy nhiên, sự phụ thuộc quá lớn vào khu vực này cũng đặt ra những thách thức về tính bền vững của chuỗi cung ứng, cũng như yêu cầu cấp thiết về đa dạng hóa nguồn nhập khẩu.

Đứng thứ hai là thị trường CPTPP với kim ngạch nhập khẩu đạt 5,2 tỷ USD, tăng 1,53% so với tháng trước và tăng 39,71% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 11,57% tổng kim ngạch nhập khẩu. Sự gia tăng nhập khẩu từ CPTPP cũng thể hiện xu hướng mở rộng nguồn cung từ các nền kinh tế có tiêu chuẩn cao, đặc biệt trong các nhóm hàng nguyên liệu, nông sản, năng lượng và sản phẩm công nghiệp.

Trong khi đó, thị trường EVFTA ghi nhận kim ngạch nhập khẩu đạt 1,6 tỷ USD, giảm 16,09% so với tháng trước, nhưng tăng 57,63% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 3,53% tổng kim ngạch nhập khẩu. Mặc dù quy mô chưa lớn, EVFTA

tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhập khẩu, góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ và nâng cấp năng lực sản xuất trong nước.

Đáng chú ý, trong số các thị trường FTA, chỉ có EAEU ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhập khẩu giảm so với cùng kỳ, trong khi các hiệp định còn lại đều duy trì mức tăng trưởng dương. Xét theo cán cân thương mại, Việt Nam tiếp tục duy trì trạng thái thặng dư với các thị trường phát triển, trong khi thâm hụt sâu với khu vực sản xuất và cung ứng.

EVFTA dẫn đầu về mức thặng dư thương mại với 3,86 tỷ USD, tiếp theo là CPTPP với 1,31 tỷ USD, UKVFTA với 707,25 triệu USD và EAEU với 85 triệu USD. Ngược lại, RCEP ghi nhận mức thâm hụt lên tới -17,4 tỷ USD.

Sự phân hóa này cho thấy Việt Nam có xu hướng xuất khẩu sản phẩm hoàn thiện sang các thị trường tiêu dùng phát triển, đồng thời nhập khẩu nguyên liệu và linh kiện từ các trung tâm sản xuất khu vực. Đây là mô hình phổ biến của các nền kinh tế đang phát triển tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, nhưng cũng cho thấy hạn chế về năng lực sản xuất nội địa và giá trị gia tăng trong xuất khẩu.

Tổng quan tình hình thương mại giữa Việt Nam với các thị trường FTA

Trong tháng 01/2026, cán cân thương mại của Việt Nam với các thị trường thuộc các Hiệp định FTA tiếp tục cho thấy sự phân hóa về cấu trúc thương mại giữa các khu vực, đồng thời cho thấy vai trò khác biệt của từng hiệp định trong chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Dựa trên số liệu xuất nhập khẩu, có thể nhận thấy bức tranh cán cân thương mại theo FTA không chỉ mang tính đối lập giữa thặng dư và thâm hụt, mà còn cho thấy mức độ tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Xét theo mức thặng dư thương mại, Hiệp định EVFTA tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu với mức thặng dư đạt 3,86 tỷ USD, trên nền kim ngạch xuất khẩu 5,45 tỷ USD và nhập khẩu 1,56 tỷ USD. Đây là mức thặng dư lớn nhất trong số các hiệp định FTA của Việt Nam trong tháng 01/2026. Cấu trúc thương mại trong khuôn khổ EVFTA cho thấy Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các nhóm hàng tiêu dùng, dệt may, da giày, đồ gỗ, điện tử và nông sản, trong khi nhập khẩu từ EU chủ yếu là máy móc, thiết bị, dược phẩm và công nghệ cao.

Đứng thứ hai là Hiệp định CPTPP với mức thặng dư thương mại đạt 1,31 tỷ USD, dựa trên kim ngạch xuất khẩu 6,51 tỷ USD và nhập khẩu 5,2 tỷ USD. So với EVFTA, mức thặng dư của CPTPP thấp hơn đáng kể, cho thấy CPTPP vừa là thị trường xuất khẩu quan trọng, vừa là nguồn cung hàng hóa và nguyên liệu lớn cho Việt Nam. Sự cân bằng tương đối trong cán cân thương mại CPTPP cũng cho thấy xu hướng hội nhập sâu hơn, khi Việt Nam tham gia đồng thời cả hai chiều của chuỗi giá trị: xuất khẩu sản phẩm hoàn thiện và nhập khẩu đầu vào sản xuất.

Đáng chú ý, Hiệp định UKVFTA ghi nhận mức thặng dư thương mại đạt 707,25 triệu USD, với kim ngạch xuất khẩu 781,46 triệu USD và nhập khẩu chỉ 74,21 triệu USD. Mặc dù quy mô thương mại chưa lớn so với các hiệp định khác, nhưng mức thặng dư cao cho thấy vị thế xuất khẩu vượt trội của Việt Nam tại thị trường Vương quốc Anh.

Xếp tiếp theo là Hiệp định EAEU với mức thặng dư thương mại đạt 85 triệu USD, dựa trên kim ngạch xuất khẩu 248,85 triệu USD và nhập khẩu 163,85 triệu USD. So với các hiệp định khác, quy mô thương mại với EAEU còn khiêm tốn, song cán cân thương mại vẫn duy trì trạng thái thặng dư.

Ở diễn biến ngược lại, Hiệp định RCEP ghi nhận mức thâm hụt thương mại rất lớn, lên tới -17,4 tỷ USD, với kim ngạch xuất khẩu 15,63 tỷ USD nhưng nhập khẩu lên tới 33,03 tỷ USD. Đây là mức thâm hụt lớn nhất trong số các hiệp định FTA của Việt Nam trong tháng 01/2026, cho thấy vai trò đặc thù của RCEP trong cấu trúc thương mại của Việt Nam: khu vực này vừa là thị trường xuất khẩu quan

trọng, vừa là nguồn cung chủ yếu của nguyên vật liệu, linh kiện và hàng hóa trung gian phục vụ sản xuất trong nước. Mức thâm hụt lớn với RCEP không chỉ phản ánh sự phụ thuộc của Việt Nam vào chuỗi cung ứng khu vực, mà còn cho thấy vị trí của Việt Nam trong chuỗi giá trị khu vực vẫn chủ yếu ở khâu gia công, lắp ráp, với giá trị gia tăng còn hạn chế.

Bảng 1: Cán cân thương mại của Việt Nam với các thị trường thành viên thuộc các Hiệp định FTA trong tháng 01/2026

Tên thị trường	Tháng 1/2026 (Triệu USD)		
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
FTA EVFTA	5.446,79	1.589,24	3.857,55
FTA CPTPP	6.512,39	5.203,24	1.309,16
FTA UKVFTA	781,46	74,21	707,25
FTA EAEU	248,85	163,85	85,00
FTA RCEP	15.633,95	33.030,48	-17.396,53

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Về xuất khẩu

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong tháng 01/2026 ghi nhận những tín hiệu tích cực, cho thấy năng lực thích ứng và tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) của doanh nghiệp Việt Nam. Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong tháng đầu năm 2026 đạt 43,19 tỷ USD, giảm nhẹ 2% so với tháng trước, nhưng tăng 30,13% so với cùng kỳ năm 2025. Diễn biến này cho thấy sự điều chỉnh mang tính thời điểm sau giai đoạn cao điểm xuất khẩu cuối năm.

Xét theo cấu trúc thị trường, nhóm các thị trường thành viên thuộc Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam. Với kim ngạch đạt 15,63 tỷ USD, thị trường thành viên khu vực RCEP chiếm tới 36,2% tổng kim ngạch xuất khẩu trong tháng 01/2026. Mặc dù giảm 4,32% so với tháng trước, nhưng mức tăng trưởng 36,23% so với cùng kỳ năm trước cho thấy sức hấp dẫn và tính ổn định của thị trường khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng và sản xuất tại các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản có dấu hiệu phục hồi.

Đứng thứ hai là các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP với kim ngạch xuất khẩu đạt 6,5 tỷ USD, tăng 3,58% so với tháng trước và tăng 20,73% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 15,08% tổng kim ngạch xuất khẩu. Kết quả này cho

thấy hiệu quả ngày càng rõ nét của CPTPP trong việc mở rộng thị trường sang các nền kinh tế có tiêu chuẩn cao như Canada, Mexico, Úc và Chile. Sự tăng trưởng ổn định tại khu vực CPTPP không chỉ cho thấy khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa Việt Nam, mà còn cho thấy xu hướng dịch chuyển thương mại theo hướng đa dạng hóa thị trường, giảm phụ thuộc vào một số đối tác truyền thống.

Trong khi đó, Hiệp định EVFTA tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường Liên minh châu Âu (EU). Với kim ngạch đạt 5,44 tỷ USD, tăng 10,63% so với tháng trước và tăng 15,35% so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA chiếm 12,61% tổng kim ngạch xuất khẩu trong tháng 01/2026. Mức tăng trưởng này phần nào cho thấy tác động tích cực của các cam kết cắt giảm thuế quan, cải thiện môi trường thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường EU. Đồng thời, sự gia tăng xuất khẩu sang EU cũng cho thấy xu hướng chuyển dịch của doanh nghiệp Việt Nam sang các thị trường có giá trị gia tăng cao, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng xuất khẩu.

Đáng chú ý, chỉ riêng thị trường thành viên 3 hiệp định RCEP, CPTPP và EVFTA đã chiếm tới 63,89% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 01/2026. Con số này khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của các FTA trong chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, đồng thời càng chứng minh mức độ phụ thuộc ngày càng lớn của hoạt động xuất khẩu vào các khuôn khổ thương mại tự do.

Mặc dù chiếm tỷ trọng khiêm tốn, Hiệp định EAEU lại ghi nhận mức tăng trưởng 12,42% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 0,58% tổng kim ngạch xuất khẩu, cho thấy tiềm năng khai thác dư địa mở rộng xuất khẩu của Việt Nam tại những thị trường chưa được khai thác đầy đủ.

Bảng 2: Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam theo các Hiệp định FTA trong tháng 01/2026

Thị trường theo FTA	Tháng 1/2026 (Triệu USD)	So với tháng 12/2025 (%)	So với tháng 1/2025 (%)	Tỷ trọng (%)
Tổng	43.189,64	-2,00	30,13	100
FTA RCEP	15.633,95	-4,32	36,23	36,20
FTA CPTPP	6.512,39	3,58	20,73	15,08
FTA EVFTA	5.446,79	10,63	15,35	12,61
FTA UKVFTA	781,46	16,65	9,46	1,81
FTA EAEU	248,85	3,63	12,42	0,58

Về nhập khẩu

Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 44,97 tỷ USD, tăng nhẹ 0,64% so với tháng trước và tăng 49,61% so với cùng kỳ năm 2025. Diễn biến này cho thấy nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị và hàng hóa trung gian phục vụ sản xuất, xuất khẩu và tiêu dùng trong nước vẫn duy trì ở mức cao.

Xét theo cấu trúc thị trường, các quốc gia thành viên Hiệp định RCEP tiếp tục là đối tác nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 33,03 tỷ USD, tăng 1,83% so với tháng trước và tăng 50,18% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tới 73,44% tổng kim ngạch nhập khẩu. Tỷ trọng áp đảo này cho thấy mức độ phụ thuộc rất lớn của Việt Nam vào nguồn cung từ khu vực châu Á – Thái Bình Dương, đặc biệt là các nền kinh tế có vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng toàn cầu như Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. RCEP không chỉ đóng vai trò là nguồn cung nguyên liệu và linh kiện đầu vào cho sản xuất trong nước, mà còn là nền tảng kết nối Việt Nam với mạng lưới sản xuất khu vực, góp phần nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, sự phụ thuộc quá lớn vào khu vực RCEP cũng đặt ra những thách thức về tính bền vững của chuỗi cung ứng và yêu cầu cấp thiết về đa dạng hóa nguồn nhập khẩu.

Đứng thứ hai là thị trường CPTPP với kim ngạch nhập khẩu đạt 5,2 tỷ USD, tăng 1,53% so với tháng trước và tăng 39,71% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 11,57% tổng kim ngạch nhập khẩu. Kết quả này cho thấy xu hướng gia tăng nhập khẩu từ các nền kinh tế có tiêu chuẩn cao như Canada, Úc và Mexico, đặc biệt trong các nhóm hàng nguyên liệu, nông sản, năng lượng và sản phẩm công nghiệp. Sự gia tăng nhập khẩu từ khu vực CPTPP không chỉ góp phần đa dạng hóa nguồn cung, mà còn thúc đẩy quá trình nâng cấp cơ cấu nhập khẩu theo hướng chất lượng cao hơn, phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước.

Trong khi đó, thị trường EVFTA ghi nhận kim ngạch nhập khẩu đạt 1,6 tỷ USD, giảm 16,09% so với tháng trước nhưng tăng 57,63% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 3,53% tổng kim ngạch nhập khẩu. EVFTA tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhập khẩu của Việt Nam, góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ và cải thiện năng lực sản xuất trong nước.

Chỉ tính riêng các thị trường thuộc ba hiệp định RCEP, CPTPP và EVFTA đã chiếm tới 88,54% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 01 năm 2026. Con số này cho thấy mức độ tập trung rất cao của dòng nhập khẩu vào các khuôn khổ FTA chủ chốt, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của các hiệp

định này trong cấu trúc thương mại của Việt Nam.

Đáng chú ý, trong số các thị trường thuộc các hiệp định FTA, chỉ có khu vực EAEU ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhập khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước, trong khi các hiệp định còn lại đều duy trì mức tăng trưởng.

Bảng 3: Tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam theo các Hiệp định FTA trong tháng 01/2026

Thị trường theo FTA	Tháng 1/2026 (Triệu USD)	So với tháng 12/2025 (%)	So với tháng 1/2025 (%)	Tỷ trọng (%)
Tổng	44.974,08	0,64	49,61	100
FTA RCEP	33.030,48	1,83	50,18	73,44
FTA CPTPP	5.203,24	1,53	39,71	11,57
FTA EVFTA	1.589,24	-16,09	57,63	3,53
FTA EAEU	163,85	-38,06	-23,83	0,36
FTA UKVFTA	74,21	-26,64	11,61	0,17

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Tình hình xuất khẩu một số mặt hàng của Việt Nam sang các thị trường FTA

- Mặt hàng dệt may

Trong tháng 01/2026, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt 3,25 tỷ USD, giảm 11,1% so với tháng trước, nhưng tăng nhẹ 1,91% so với cùng kỳ năm 2025. Diễn biến này cho thấy sự điều chỉnh mang tính thời điểm sau giai đoạn cao điểm cuối năm, trong khi xu hướng tăng trưởng theo năm vẫn được duy trì, dù mức tăng thấp.

Xét theo cấu trúc thị trường, các quốc gia thuộc Hiệp định RCEP tiếp tục là thị trường xuất khẩu dệt may lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 1,03 tỷ USD, tăng 1,44% so với tháng trước và tăng 0,81% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 31,78% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may. Kết quả này cho thấy vai trò đặc biệt của khu vực châu Á – Thái Bình Dương đối với ngành dệt may Việt Nam, không chỉ với tư cách là thị trường tiêu thụ, mà còn là trung tâm của chuỗi cung ứng khu vực. Mức tăng trưởng ổn định, dù không cao, cho thấy sự bền vững tương đối của nhu cầu trong khu vực RCEP, đồng thời khẳng định khả năng duy trì thị phần của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt từ các quốc gia có lợi thế về chi phí sản xuất như Trung Quốc, Bangladesh hay Indonesia.

Đứng thứ hai là thị trường CPTPP với kim ngạch xuất khẩu đạt 632,58 triệu USD, giảm 11,32% so với tháng trước và giảm 1,65% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 19,46% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may. Sự sụt giảm kép cả theo tháng và

theo năm phần nào nói lên những thách thức mà hàng dệt may Việt Nam đang đối mặt tại các thị trường CPTPP, đặc biệt là áp lực từ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy tắc xuất xứ nghiêm ngặt và xu hướng thắt chặt chỉ tiêu của người tiêu dùng tại một số nền kinh tế phát triển.

Trong khi đó, thị trường EVFTA ghi nhận kim ngạch xuất khẩu đạt 381,76 triệu USD, giảm 9,7% so với tháng trước nhưng tăng 10,56% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 11,74% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may. Diễn biến trái chiều giữa tăng trưởng theo tháng và theo năm phản ánh tính thời điểm của đơn hàng. EVFTA tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng giúp doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị trường châu Âu, đặc biệt trong các phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, môi trường và trách nhiệm xã hội.

Đáng chú ý, xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang các thị trường có Hiệp định FTA chiếm tới 66,05% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may trong tháng 01/2026. Con số này khẳng định vai trò trung tâm của các FTA trong chiến lược phát triển thị trường của ngành dệt may Việt Nam, đồng thời cho thấy mức độ phụ thuộc ngày càng lớn của ngành vào các khuôn khổ thương mại tự do.

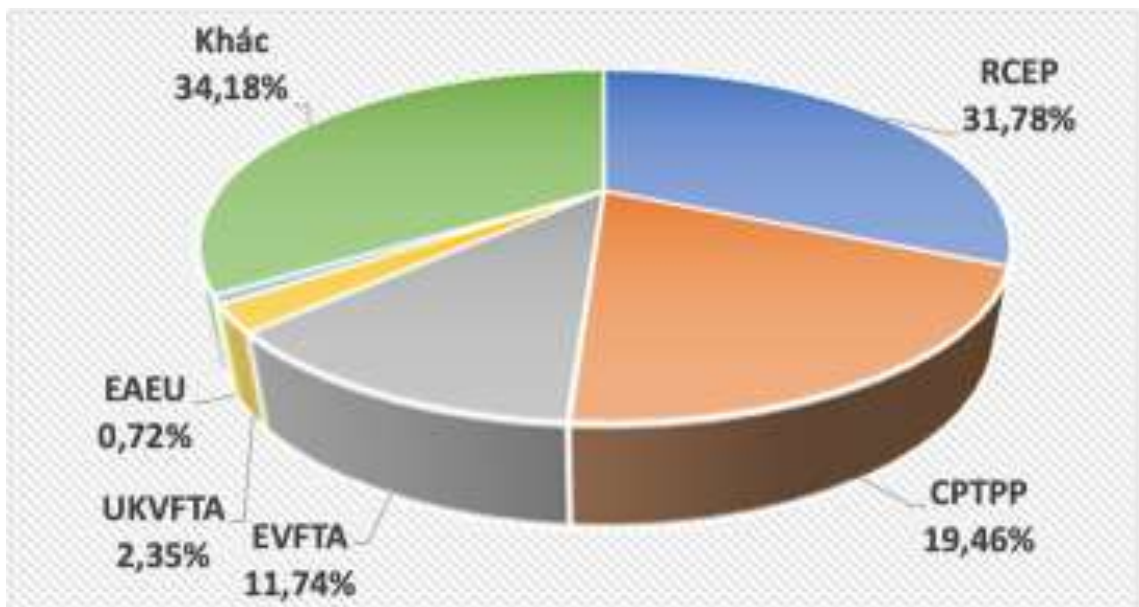
Bảng 4: Xuất khẩu mặt hàng dệt may của Việt Nam sang các thị trường Hiệp định FTA trong tháng 1/2026

Thị trường theo FTA	Tháng 1/2026 (Triệu USD)	So với tháng 12/2025 (%)	So với tháng 1/2025 (%)	Tỷ trọng (%)
Tổng	3.250,43	-11,1	1,91	100
RCEP	1.032,92	1,44	0,81	31,78
CPTPP	632,58	-11,32	-1,65	19,46
EVFTA	381,76	-9,70	10,56	11,74
UKVFTA	76,43	-7,89	3,28	2,35
EAEU	23,26	28,64	-61,49	0,72

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Nếu so sánh giữa các hiệp định FTA, có thể nhận thấy sự phân hóa rõ nét trong động lực tăng trưởng xuất khẩu dệt may của Việt Nam: RCEP đóng vai trò thị trường quy mô lớn và tương đối ổn định; CPTPP cho thấy những thách thức trong việc đáp ứng tiêu chuẩn cao và quy tắc xuất xứ; trong khi EVFTA là một thị trường tiềm năng với tốc độ tăng trưởng theo năm tích cực hơn.

Biểu đồ 1: Tỷ trọng xuất khẩu dệt may của Việt Nam theo các thị trường FTA



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Mức cắt giảm thuế quan đối với mặt hàng dệt may tính đến năm 2026 trong một số FTA:

FTA	Cam kết thuế quan dệt may đến năm 2026
EVFTA	Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/8/2020. Tính đến năm 2026, Liên minh châu Âu đã hoàn thành phần lớn lộ trình cắt giảm thuế quan đối với hàng dệt may của Việt Nam. Theo đó, phần lớn các mặt hàng dệt may đã được hưởng mức thuế suất gần bằng 0%, với điều kiện đáp ứng đầy đủ quy tắc xuất xứ theo quy định của hiệp định.
CPTPP	Các quốc gia thành viên CPTPP đã triển khai đáng kể các cam kết cắt giảm thuế quan đối với mặt hàng dệt may. Nhiều dòng thuế đã được đưa về mức 0% ngay sau khi hiệp định có hiệu lực hoặc theo lộ trình kéo dài từ 5 đến trên 10 năm, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho hàng dệt may Việt Nam tiếp cận thị trường các nước CPTPP.
UKVFTA	Trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2026, Vương quốc Anh đã thực hiện lộ trình giảm thuế đối với phần lớn các mặt hàng dệt may của Việt Nam. Mức thuế quan được cắt giảm sâu và tiến gần về 0% theo đúng các cam kết trong hiệp định, góp phần gia tăng lợi thế cạnh tranh

	của hàng dệt may Việt Nam tại thị trường Anh.
EAEU	Đối với Hiệp định EAEU, phần lớn các dòng thuế dệt may đã được điều chỉnh giảm đáng kể trước năm 2025. Tuy nhiên, mức độ ưu đãi thuế quan nhìn chung chưa đạt mức xóa bỏ hoàn toàn, và lộ trình cam kết đối với một số mặt hàng dệt may vẫn chưa được thực hiện đầy đủ như các hiệp định thế hệ mới.
RCEP	Do đặc thù là hiệp định có lộ trình cắt giảm thuế quan dài hạn (trên 20 năm), đến năm 2026, các mức thuế đối với mặt hàng dệt may trong khuôn khổ RCEP mới đang được điều chỉnh giảm dần theo lộ trình cam kết. Nhiều mặt hàng đã được hưởng mức thuế ưu đãi, song chưa phải toàn bộ các dòng thuế đều được đưa về mức 0%.

- Mặt hàng cà phê

Trong tháng 01/2026, xuất khẩu cà phê của Việt Nam tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng tích cực trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ cà phê toàn cầu duy trì ở mức cao và giá cà phê thế giới có xu hướng thuận lợi. Tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê đạt 1,08 tỷ USD, tăng 14,1% so với tháng trước và tăng 48,33% so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả này cho thấy năng lực khai thác thị trường và tận dụng ưu đãi từ các Hiệp định FTA của ngành cà phê Việt Nam ngày càng được nâng cao.

Bảng 5: Xuất khẩu mặt hàng cà phê của Việt Nam sang các thị trường Hiệp định FTA trong tháng 01/2026

Thị trường theo FTA	Tháng 1/2026 (Triệu USD)	So với tháng 12/2025 (%)	So với tháng 1/2025 (%)	Tỷ trọng (%)
Tổng	1.081,25	14,1	48,33	100
EVFTA	492,78	16,80	38,63	45,57
RCEP	237,99	4,68	51,23	22,01
CPTPP	147,64	39,00	26,63	13,65
EAEU	65,53	19,68	68,06	6,06
UKVFTA	30,84	59,29	63,20	2,85

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Xét theo cấu trúc thị trường trong khuôn khổ các FTA, Hiệp định EVFTA tiếp tục giữ vai trò là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam. Trong tháng 01/2026, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thành viên EU đạt 492,78 triệu USD, tăng 16,8% so với tháng trước và tăng 38,63% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tới 45,57% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Tỷ

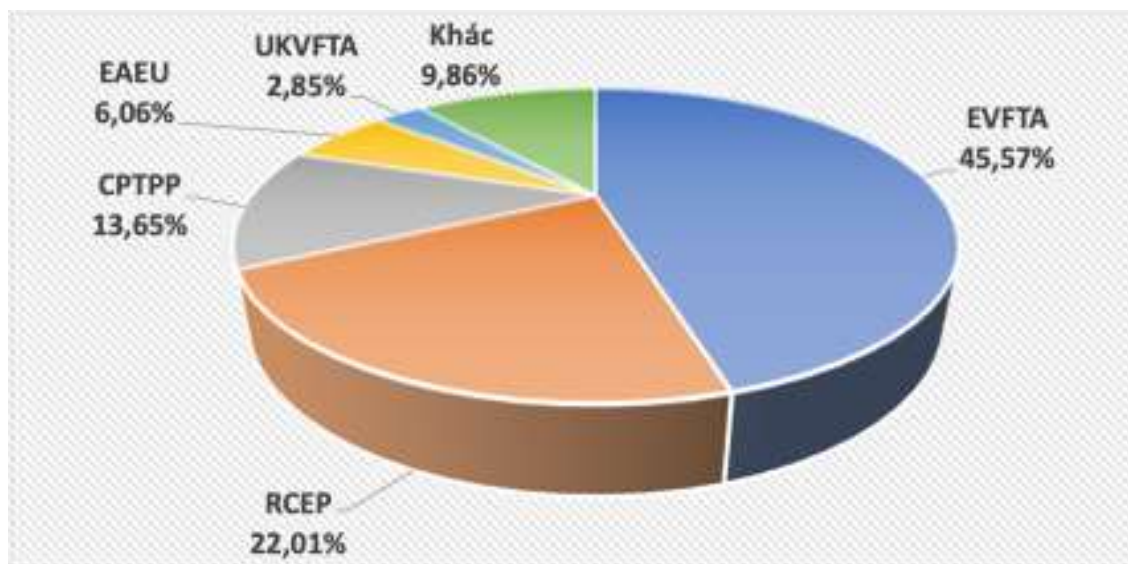
trọng lớn này thể hiện rõ nét vị thế của EU như một trong những thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới, đồng thời cho thấy hiệu quả rõ rệt của EVFTA trong việc giảm thuế quan và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường cho cà phê Việt Nam. Bên cạnh đó, xu hướng gia tăng xuất khẩu cà phê chế biến sâu, cà phê đặc sản và sản phẩm có chứng nhận bền vững cũng góp phần nâng cao giá trị xuất khẩu sang thị trường EU.

Thứ hai là thị trường RCEP với kim ngạch xuất khẩu đạt 237,99 triệu USD, tăng 4,68% so với tháng trước và tăng 51,23% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 22,01% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Mức tăng trưởng cao theo năm cho thấy nhu cầu tiêu thụ cà phê tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương đang mở rộng nhanh chóng, đặc biệt tại các nền kinh tế Đông Á và Đông Nam Á. RCEP không chỉ là thị trường tiêu thụ quan trọng, mà còn đóng vai trò trung chuyển và chế biến cà phê trong chuỗi cung ứng khu vực, qua đó góp phần thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Thứ ba là thị trường CPTPP với kim ngạch xuất khẩu đạt 147,64 triệu USD, tăng 39% so với tháng trước và tăng 26,63% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,65% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Sự tăng trưởng đồng thời theo tháng và theo năm cho thấy xu hướng mở rộng thị phần của cà phê Việt Nam tại các thị trường CPTPP, đặc biệt là Canada, Úc và Mexico. Các ưu đãi thuế quan từ CPTPP, cùng với nhu cầu ngày càng tăng đối với cà phê Robusta và sản phẩm cà phê chế biến, đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam nâng cao kim ngạch xuất khẩu sang khu vực này.

Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các thị trường có FTA đều duy trì mức tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm trước, cho thấy các hiệp định FTA tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu cà phê, đồng thời góp phần giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống. Chỉ tính riêng ba hiệp định EVFTA, RCEP và CPTPP, kim ngạch xuất khẩu cà phê đã chiếm tới 81,23% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 01/2026. Con số này khẳng định mức độ tập trung cao của hoạt động xuất khẩu cà phê vào các khuôn khổ FTA chủ chốt.

Biểu đồ 2: Tỷ trọng xuất khẩu cà phê của Việt Nam theo các thị trường FTA



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Mức cắt giảm thuế quan đối với cà phê tính đến năm 2026 trong một số FTA:

FTA	Cam kết thuế quan cà phê đến năm 2026
EVFTA	Đến năm 2026, phần lớn các dòng thuế đối với cà phê của Việt Nam xuất khẩu sang EU đã được xóa bỏ, với nhiều sản phẩm cà phê nhân, cà phê rang xay và cà phê chế biến được hưởng thuế suất 0% hoặc mức rất thấp. EVFTA được đánh giá là hiệp định mang lại mức ưu đãi thuế quan sâu và toàn diện nhất đối với mặt hàng cà phê.
CPTPP	Đến năm 2026, nhiều dòng thuế đối với cà phê của Việt Nam xuất khẩu sang các thị trường CPTPP đã được xóa bỏ hoặc giảm xuống mức thấp, đặc biệt tại các thị trường như Canada, Nhật Bản, Australia và Mexico. Lộ trình cắt giảm thuế tương đối nhanh, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của cà phê Việt Nam.
UKVFTA	Đến năm 2026, phần lớn các dòng thuế đối với cà phê xuất khẩu sang Vương quốc Anh đã được xóa bỏ hoặc giảm sâu, với nhiều sản phẩm cà phê được hưởng thuế suất 0%. UKVFTA tạo điều kiện thuận lợi để cà phê Việt Nam mở rộng thị phần tại thị trường Anh.
EAEU	Trong khuôn khổ EAEU, cam kết thuế quan đối với cà phê được thực hiện theo lộ trình giảm dần. Đến năm 2026, một số dòng thuế đã được xóa bỏ, trong khi phần còn lại được giảm đáng kể so với mức thuế trước khi hiệp định có hiệu lực, qua đó cải thiện khả năng tiếp cận thị trường của cà phê Việt Nam.
RCEP	Đến năm 2026, nhiều dòng thuế đối với cà phê trong khuôn khổ

	RCEP đã được giảm theo lộ trình, tuy nhiên mức độ tự do hóa thuế quan chưa đồng đều giữa các thị trường và chưa phổ biến ở mức 0%. RCEP chủ yếu mang lại lợi ích về ổn định thị trường và mở rộng quy mô xuất khẩu hơn là ưu đãi thuế sâu.
--	---